

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
sau ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thẩm Văn Minh

Ông Nguyễn Ngọc Thương

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N SN 1988

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng L SN 1979

Cùng địa chỉ: Khu Đ, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N: Bà Hoàng Thị Thanh Hải - Trợ giúp viên pháp lý.

Cơ quan công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Chị N, bà Hải có mặt, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ vào ngày 28/6/2010. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì anh L không chịu khó làm ăn, hay chơi cờ bạc. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe, không quan tâm đến gia đình. Do vậy 2 vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn

trầm trọng, không còn yêu thương nhau nữa. Vì vậy, chị N đề nghị xử cho chị được ly hôn anh L.

2. *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh chị có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Đăng L1, sinh ngày 13/7/2010. Khi ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đăng L trong quá trình giải quyết vụ án đã được cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn vắng mặt. Việc anh L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2019 cháu L1 đã trình bày là hoàn toàn tự nguyện, nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì cháu xin được ở với chị N.

4. *Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bà Hải trình bày*: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: 2 anh chị cưới có đăng ký kết hôn theo pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N và anh L ly hôn là phù hợp Luật hôn nhân và gia đình. Anh chị có 01 con chung, nay đã hơn 9 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với người mẹ, con chung là chỗ dựa tinh thần của chị N khi ly hôn. Do vậy đề nghị giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N là không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết các mối quan hệ khác cần chấp nhận.

5. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*:

Thẩm phán, thư ký, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Tại phiên tòa thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng và đúng quy định pháp luật. Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án: Chị N và anh L cưới có đăng ký kết hôn, là vợ chồng từ năm 2010. Trong quá trình chung sống hai bên hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Hai bên đã ly thân đến nay đã 10 tháng, hiện nay chị N có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 58, khoản 1,2 Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Đăng L1, sinh ngày 13/7/2010 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với quan hệ về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Nguyễn Đăng L. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Toà án đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết hợp lệ đối với anh L: Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt lần 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 28/6/2010, chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đăng L cưới, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được nhiều năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2019 đến nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã có biên bản làm việc, xác minh với đại diện các tổ chức đoàn thể của xã L (Bút lục số 42) như: Hội phụ nữ N được ly hôn anh L.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh L có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Đăng L1, sinh ngày 13/7/2010. Khi ly hôn chị N xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu L1 đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu L1, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị N không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào chị N, anh L có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, công nợ, công sức thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị N là nguyên đơn nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đăng L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N cũng như đề nghị giải quyết về nội dung vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đăng L.

[2] *Về con chung*: Xác nhận anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đăng L1, sinh ngày 13/7/2010. Sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Đăng L1 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi nào chị N và anh L có yêu cầu giải quyết thì được Tòa án giải quyết bằng vụ, việc khác.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị N đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0001097 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- TGVPL;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh